



Original Article

Use of Environmental Counterclaims in Investment Arbitration and Recommendations for Vietnam

Dao Kim Anh*, Nguyen Thu Huyen, Nguyen Tu Thanh Huong

Foreign Trade University, 91 Chua Lang, Dong Da, Hanoi, Vietnam

Received 26th November 2024

Revised 15th February 2026; Accepted 6th June 2024

Abstract: This article explores the use of environmental counterclaims in international investment arbitration as a tool for host states to seek compensation for environmental damage caused by foreign investors. In the context of growing environmental concerns and increasing investment disputes involving environmental issues, counterclaims offer a potential mechanism to balance the rights and obligations between investors and host states. Through an analysis of landmark cases, this paper highlights the evolving approach of arbitral tribunals towards environmental counterclaims, the legal challenges involved, and the role of domestic environmental laws in holding investors accountable. For Vietnam, which has faced environmental challenges associated with foreign investments, the paper provides key recommendations to improve the legal framework for utilizing counterclaims effectively. These include revising investment treaties to incorporate host states' right to counterclaim, strengthening investors' environmental obligations, and enhancing technical and legal expertise in managing investment disputes. By integrating counterclaims into investment arbitration, host states like Vietnam can better protect their national interests and promote sustainable development while addressing the asymmetry in the existing investment arbitration framework.

Keywords: Environmental counterclaims, investment arbitration, international investment law, investor-state disputes, Vietnam.

* Corresponding author.

E-mail address: anhdk@ftu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4731>

Sử dụng quyền phản tố về môi trường tại trọng tài đầu tư quốc tế và một số đề xuất với Việt Nam

Đào Kim Anh*, Nguyễn Thu Huyền, Nguyễn Từ Thanh Hương

Trường Đại học Ngoại thương, 91 Chùa Láng, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 26 tháng 11 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 2 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 6 năm 2026

Tóm tắt: Bài viết này phân tích việc các quốc gia tiếp nhận đầu tư sử dụng quyền phản tố về môi trường trong trọng tài đầu tư quốc tế để yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài bồi thường thiệt hại môi trường mà họ gây ra trong quá trình đầu tư tại nước sở tại. Trong bối cảnh các vấn đề môi trường ngày càng được quan tâm và số lượng tranh chấp đầu tư liên quan đến môi trường gia tăng, quyền phản tố được coi là một cơ chế tiềm năng giúp cân bằng quyền và nghĩa vụ giữa nhà đầu tư và quốc gia tiếp nhận. Thông qua phân tích một số vụ tranh chấp đầu tư điển hình, bài viết làm rõ sự thay đổi trong cách tiếp cận của các hội đồng trọng tài đối với quyền phản tố về môi trường, các thách thức pháp lý liên quan và vai trò của luật môi trường quốc gia trong việc ràng buộc trách nhiệm về môi trường của nhà đầu tư nước ngoài. Đối với Việt Nam, một quốc gia đang phải đối mặt với nhiều thách thức về môi trường liên quan đến các dự án đầu tư nước ngoài, bài viết đưa ra một số khuyến nghị về việc sử dụng quyền phản tố một cách hiệu quả trong các tranh chấp đầu tư có thể phát sinh. Các đề xuất bao gồm đưa ra quy định minh bạch về quyền phản tố của quốc gia tiếp nhận và tăng cường nghĩa vụ bảo vệ môi trường của nhà đầu tư trong các hiệp định đầu tư, đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư. Việc sử dụng quyền phản tố tại trọng tài đầu tư có thể giúp các nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam bảo vệ tốt hơn lợi ích quốc gia, thúc đẩy phát triển bền vững và khắc phục sự bất cân xứng trong cơ chế trọng tài đầu tư hiện nay.

Từ khóa: Quyền phản tố về môi trường, trọng tài đầu tư, luật đầu tư quốc tế, tranh chấp giữa nhà đầu tư và Nhà nước, Việt Nam.

1. Mở đầu

Cơ chế trọng tài đầu tư được xem là một điểm độc đáo trong pháp luật đầu tư quốc tế. Tính độc đáo của cơ chế này thể hiện ở chỗ nhà đầu tư nước ngoài, với tư cách là chủ thể tư, được quyền trực tiếp khởi kiện quốc gia tiếp nhận đầu tư ra trước trọng tài quốc tế. Trên phương diện tố tụng, đây được xem là một ngoại lệ đối với nguyên tắc miễn trừ tư pháp của quốc gia. Tuy nhiên, cơ chế này cũng đã vấp phải ngày càng nhiều chỉ trích do cấu trúc bất cân xứng: cơ chế cho phép nhà đầu tư khởi kiện chống lại nhà nước tiếp nhận

nhưng lại đặt ra rất nhiều rào cản đối với quốc gia khi đưa ra yêu cầu phản tố chống lại nhà đầu tư [1]. Nguyên nhân chính của sự bất cân xứng này nằm ở mục tiêu ban đầu của các hiệp định đầu tư (International Investment Agreements - IIA) là nhằm bảo vệ nhà đầu tư nước ngoài, được cho là ở vị thế yếu hơn so với nhà nước. Sự bảo đảm này được kỳ vọng sẽ khuyến khích dòng vốn đầu tư nước ngoài, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tại các quốc gia tiếp nhận đầu tư. Tuy nhiên, thực tiễn đã chỉ ra rằng không phải tất cả các khoản đầu tư đều đạt được mục tiêu kỳ vọng. Đáng lo ngại hơn, các dự án đầu tư nước

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: anhdk@ftu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4731>

ngoài trong một số trường hợp đã gây ra hậu quả tiêu cực, đặc biệt là các vấn đề nghiêm trọng về ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên thiên nhiên [2]. Sự gia tăng của các thảm họa môi trường - trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến hành vi sai phạm của nhà đầu tư nước ngoài – đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có cơ chế ràng buộc pháp lý chặt chẽ hơn đối với nhà đầu tư. Đồng thời, việc các nhà đầu tư liên tục khởi kiện quốc gia tiếp nhận do áp dụng các biện pháp quản lý môi trường cũng làm gia tăng lo ngại về việc liệu cơ chế trọng tài đầu tư có đang đặt quyền lợi của nhà đầu tư lên trên các giá trị phi kinh tế, bao gồm các giá trị môi trường [3, 4].

Trước mối quan tâm ngày càng lớn về tác động môi trường của các hoạt động đầu tư quốc tế và sự thay đổi trong chính sách bảo vệ môi trường tại nhiều quốc gia, các tranh chấp đầu tư liên quan đến môi trường đang ngày càng gia tăng [5]. Gần đây, trong các tranh chấp đầu tư liên quan tới môi trường, các quốc gia không chỉ đưa ra các lập luận về môi trường để bảo vệ biện pháp bị khiếu kiện, mà còn chủ động phản tố (khởi kiện lại) nhà đầu tư để đòi bồi thường các thiệt hại về môi trường gây ra trong quá trình đầu tư [6]. Quyền phản tố do đó không chỉ là một công cụ pháp lý để bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn có tiềm năng thúc đẩy trách nhiệm xã hội của các nhà đầu tư nước ngoài [7]. Tuy nhiên, vấn đề còn gây tranh cãi hiện nay là liệu các yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường có thể và có nên được đưa ra tại trọng tài đầu tư thông qua cơ chế phản tố hay không [8]. Mặc dù có chuyên môn sâu trong lĩnh vực pháp luật đầu tư quốc tế, các trọng tài viên thường không được đào tạo chuyên sâu về pháp luật môi trường, đặc biệt trong việc xác định trách nhiệm và lượng hóa thiệt hại [3].

Do đó, bài viết này sẽ phân tích khả năng sử dụng quyền phản tố để quốc gia bị đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường trong các tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài tại trọng tài đầu tư. Thông qua phân tích một số tranh chấp điển hình, bài viết làm rõ các thách thức pháp lý mà các quốc gia có thể gặp phải, đồng thời đưa ra những lưu ý quan trọng và đề xuất cho Việt Nam trong việc áp dụng quyền phản tố nhằm bảo vệ quyền lợi quốc gia trong các tranh chấp đầu tư

liên quan đến môi trường.

2. Khả năng sử dụng quyền phản tố trong trọng tài đầu tư để yêu cầu nhà đầu tư bồi thường thiệt hại môi trường gây ra tại nước tiếp nhận

Trước tình trạng biến đổi khí hậu được xác định là vấn đề toàn cầu mang tính cấp thiết, áp lực đối với các quốc gia trong việc tuân thủ các cam kết về môi trường ngày càng gia tăng. Tổng Thư ký Liên Hợp quốc António Guterres nhận định rằng biến đổi khí hậu là “vấn đề mang tính quyết định của thời đại chúng ta”, đồng thời Ngân hàng Thế giới cũng cảnh báo đây là thách thức nghiêm trọng đối với sự phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu [3]. Trên thực tế, áp lực này được cụ thể hóa thông qua các cam kết quốc tế như nghĩa vụ cắt giảm phát thải khí nhà kính theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu năm 2015, việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (Nationally Determined Contributions - NDCs), mục tiêu phát thải ròng bằng “0” mà nhiều quốc gia đang theo đuổi, cũng như các mục tiêu liên quan đến khí hậu, năng lượng sạch và bảo vệ hệ sinh thái trong Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Các cam kết này đã góp phần thúc đẩy việc ban hành và triển khai nhiều sáng kiến, biện pháp ở cấp độ quốc tế, từ đó làm gia tăng trách nhiệm pháp lý của quốc gia và nhà đầu tư trong lĩnh vực môi trường [9].

Trong lĩnh vực trọng tài đầu tư quốc tế, quyền phản tố đã xuất hiện như một cơ chế tiềm năng để quốc gia sở tại yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường từ các nhà đầu tư nước ngoài [8]. Phản tố là yêu cầu bồi thường mà bị đơn đưa ra để đáp trả lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phản tố có thể được xem như một yêu cầu độc lập của quốc gia bị đơn đối với nhà đầu tư, nhằm không chỉ phản bác mà còn đạt được bồi thường cho các thiệt hại mà nhà đầu tư gây ra [10].

Trước đây, các yêu cầu phản tố của quốc gia bị đơn thường bị trọng tài đầu tư bác bỏ do các rào cản về thẩm quyền hoặc điều kiện thụ lý [11], nhưng hiện nay phản tố đang ngày càng được

chấp nhận hơn trong các tranh chấp đầu tư, đặc biệt khi liên quan đến các vấn đề môi trường [6], [8]. Điều 46 trong Công ước về Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Nhà nước và công dân của quốc gia khác (Công ước ICSID) cho phép trọng tài xem xét quyền phản tố, cụ thể là trọng tài có thể xem xét bất kỳ yêu cầu phản tố nào “phát sinh trực tiếp từ đối tượng của tranh chấp, với điều kiện yêu cầu đó nằm trong phạm vi thỏa thuận của các bên và thuộc thẩm quyền của Trung tâm”. Ngoài ra, các quy tắc trọng tài quốc tế khác như Quy tắc của UNCITRAL cũng đề cập tới quyền phản tố của bị đơn trong quá trình tố tụng trọng tài¹.

Tuy nhiên, các quy tắc này cũng đặt ra những điều kiện nhất định để một yêu cầu phản tố có thể được hội đồng trọng tài xem xét. Các điều kiện này thường bao gồm yêu cầu phản tố phải liên quan trực tiếp đến yêu cầu của nguyên đơn, phải được nộp đúng thời hạn, và không vượt quá thẩm quyền của trọng tài². Những điều kiện này đảm bảo quyền phản tố sẽ không bị lạm dụng bởi bị đơn cũng như sự công bằng giữa các bên trong quá trình tố tụng trọng tài [12].

Gần đây, phản tố được coi là một công cụ quan trọng trong trọng tài đầu tư quốc tế, có khả năng bảo vệ tốt hơn lợi ích cho quốc gia bị đơn [13]. Thay vì chỉ bác bỏ các yêu cầu của nhà đầu tư, phản tố cho phép quốc gia bị đơn khởi kiện ngược lại, yêu cầu bồi thường thiệt hại, đặc biệt là trong các trường hợp liên quan đến thiệt hại môi trường [7]. Các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại không có tư cách pháp lý để khởi kiện trực tiếp tại trọng tài đầu tư quốc tế, nhưng quốc gia có thể đứng ra thay mặt họ, khởi kiện nhà đầu tư để đòi bồi thường [8]. Ví dụ điển hình về việc quốc gia thành công trong yêu cầu phản tố là vụ Burlington khởi kiện Ecuador.³ Trong vụ này, Ecuador, thông qua yêu cầu phản tố đã thành công trong việc đòi Burlington bồi thường cho các thiệt hại môi trường đã gây ra trong quá trình

khai thác dầu mỏ. Tương tự, trong vụ Perenco khởi kiện Ecuador,⁴ quốc gia bị đơn cũng đã thành công trong việc yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường thông qua phản tố, cho thấy tiềm năng lớn của cơ chế này trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia.

Bên cạnh đó, quyền phản tố trong trọng tài đầu tư góp phần thúc đẩy nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư [4]. Cơ chế này không đảm bảo rằng nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình, đồng thời cho phép bảo vệ quyền lợi của các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do hoạt động đầu tư thiếu trách nhiệm. Phản tố cũng giúp khắc phục sự bất cân xứng giữa quốc gia và nhà đầu tư trong hệ thống trọng tài đầu tư hiện tại, nơi nhà đầu tư thường có ưu thế về quyền khởi kiện [7].

Nhìn chung, quyền phản tố là một công cụ pháp lý tiềm năng giúp các quốc gia đối phó với những thiệt hại môi trường mà nhà đầu tư nước ngoài gây ra, đặc biệt trong các trường hợp hệ thống tư pháp nội địa không đủ khả năng xử lý các vấn đề này [8]. Cơ chế này giúp cân bằng quyền lợi giữa nhà đầu tư và quốc gia, góp phần vào việc bảo vệ môi trường và đảm bảo trách nhiệm xã hội của các nhà đầu tư nước ngoài.

3. Yêu cầu phản tố về môi trường trong thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Theo một thống kê, tính tới năm 2023, trong các vụ tranh chấp đầu tư được công bố chỉ có 47 trường hợp mà quốc gia chủ nhà đã đưa ra yêu cầu phản tố chống lại nhà đầu tư, trong đó chỉ có 08 trường hợp yêu cầu phản tố đã thành công (một phần hoặc toàn bộ) [6]. Những lý do hội đồng trọng tài bác bỏ yêu cầu phản tố chủ yếu là do vượt quá thẩm quyền của hội đồng trọng tài (jurisdiction), không đáp ứng điều kiện thụ lý

¹ Quy tắc Trọng tài UNCITRAL (bản sửa đổi năm 2010) Điều 21.

² Công ước ICSID, Điều 46; Quy tắc Trọng tài UNCITRAL (bản sửa đổi năm 2010) Điều 21.

³ Burlington Resources Inc. v Republic of Ecuador, ICSID Case No. ARB/08/5, Decision on Ecuador's Counterclaims (7 February 2017).

⁴ Perenco Ecuador Limited v Republic of Ecuador, ICSID Case No. ARB/08/6, Interim Decision on the Environmental Counterclaim (11 August 2015).

(admissibility) hoặc chưa chứng minh được hành vi vi phạm của nhà đầu tư làm cơ sở cho yêu cầu phản tố. Trong số các yêu cầu phản tố đã được đưa ra, có 06 yêu cầu phản tố liên quan đến vấn đề môi trường⁵, và chỉ có 02 vụ là phản tố thành công (trọng tài ra phán quyết yêu cầu nhà đầu tư phải bồi thường thiệt hại cho nhà nước)⁶.

Phần tiếp theo đây sẽ phân tích ba vụ tranh chấp tiêu biểu mà trong đó nhà nước đã đưa ra phản tố, yêu cầu nhà đầu tư phải bồi thường cho các thiệt hại môi trường phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

3.1. Vụ tranh chấp giữa Paushok và Mông Cổ⁷

Tranh chấp này phát sinh giữa ông Sergei Paushok - một công dân Nga, và nhà nước Mông Cổ phát sinh từ hoạt động khai thác vàng của hai công ty của nhà đầu tư được thành lập theo luật pháp Mông Cổ. Nhà đầu tư Paushok khởi kiện dựa trên Hiệp định bảo hộ đầu tư song phương (BIT) giữa Nga và Mông Cổ, cáo buộc rằng các biện pháp tăng thuế đối với các khoản lợi nhuận bất ngờ và các khoản phí liên quan mà Mông Cổ đưa ra đã vi phạm các quy định trong BIT. Về phía Mông Cổ, quốc gia này đã đưa ra bảy yêu cầu phản tố, cáo buộc nhà đầu tư đã vi phạm môi trường, pháp luật thuế và một số vi phạm khác theo pháp luật nội địa. Liên quan tới phản tố về môi trường, nhà nước Mông Cổ lập luận rằng nhà đầu tư đã vi phạm pháp luật môi trường trong nước và gây thiệt hại môi trường trong quá trình khai thác vàng tại nước này, và yêu cầu Paushok phải bồi thường cho các thiệt hại này.

Sau khi xem xét lập luận và chứng cứ của các

bên, hội đồng trọng tài đã từ chối thẩm quyền đối với tất cả các phản tố của Mông Cổ. Hội đồng trọng tài cho rằng các phản tố này không có mối liên hệ chặt chẽ với khiếu kiện của nguyên đơn vì không dựa trên cùng một cơ sở pháp lý. Cụ thể, các yêu cầu phản tố dựa trên pháp luật nội địa trong khi khiếu kiện của nguyên đơn dựa trên BIT. Theo Quy tắc Trọng tài UNCITRAL 1976, các phản tố chỉ được xem xét khi phát sinh từ cùng một hợp đồng với khiếu kiện ban đầu của nguyên đơn. Hội đồng trọng tài dựa trên phán quyết của trọng tài trong vụ Saluka khởi kiện Cộng hòa Séc,⁸ diễn giải rằng điều kiện này khi áp dụng trong trọng tài đầu tư đòi hỏi yêu cầu phản tố và khiếu kiện ban đầu phải dựa trên cùng một cơ sở pháp lý.

Cách diễn giải hẹp của Hội đồng trọng tài về mối liên hệ giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn, dựa trên Quy tắc UNCITRAL 1976, tạo ra rào cản rất lớn đối với phản tố trong trọng tài đầu tư, đặc biệt là các phản tố về môi trường [11], [14]. Cách diễn giải này loại bỏ toàn bộ các phản tố dựa trên luật quốc gia khởi thẩm quyền xét xử của trọng tài đầu tư được thành lập theo các IIA. Với các phản tố liên quan đến môi trường, bởi rất khó để thiết lập rõ ràng nghĩa vụ bảo vệ môi trường của nhà đầu tư theo pháp luật quốc tế, đặc biệt là trong các IIA vì các hiệp định này thường tập trung vào nghĩa vụ của quốc gia tiếp nhận đầu tư, trong khi nghĩa vụ của nhà đầu tư liên quan đến môi trường thường không được quy định cụ thể [15].

Ngoài ra, quy định về phản tố trong Quy tắc Trọng tài UNCITRAL 1976 cũng chưa phù hợp với trọng tài đầu tư [12]. Khác với trọng tài

⁵ Các tranh chấp này bao gồm Paushok v Mongolia, UNCITRAL, Award on Jurisdiction and Liability (28 April 2011); Perenco v Ecuador, ICSID Case No. ARB/08/6, Interim Decision on the Environmental Counterclaim (11 August 2015); Burlington v Ecuador, ICSID Case No. ARB/08/5, Decision on Ecuador's Counterclaims (7 February 2017); Chevron v Ecuador, UNCITRAL, PCA Case No. 2009-23, Second Partial Award on Track II (30 August 2018); Aven v Costa Rica, ICSID Case No. UNCT/15/3, Final Award (18 September 2018); và Metro de Lima v Peru, ICSID Case No. ARB/17/3, Decision (6 July 2021); Maritime International Nominees v Guinea, ICSID Case No

ARB/84/4, Award (06 January 1988); Amco v Indonesia; ICSID Case No. ARB/81/1, Decision on Jurisdiction in Resubmitted Proceeding (10 May 1988); Southern Pacific Properties v Egypt; ICSID Case No. ARB/84/3, Award (20 May 1992); Franz Sedelmayer v Russia, SCC Case, Award (07 July 1998).

⁶ Hai vụ tranh chấp có yêu cầu phản tố thành công là vụ Perenco v Ecuador và Burlington v Ecuador.

⁷ Paushok v Mongolia, UNCITRAL, Award on Jurisdiction and Liability (28 April 2011).

⁸ Saluka Investment B.V. v The Czech Republic, UNCITRAL, Decision on Jurisdiction over the Czech Republic's Counterclaim (7 May 2004).

thương mại phát sinh trên cơ sở hợp đồng giữa các bên thì trọng tài đầu tư có thể và trong thực tiễn thường phát sinh trên cơ sở các hiệp định đầu tư, do đó không thể đòi hỏi yêu cầu phản tố và khiếu kiện của nguyên đơn phải dựa trên cùng một hợp đồng [12]. Để khắc phục vấn đề này, Quy tắc trọng tài UNCITRAL trong bản sửa đổi sau đó đã điều chỉnh và quy định rằng bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố với điều kiện yêu cầu đó phải thuộc thẩm quyền của hội đồng trọng tài.⁹ Việc sửa đổi này tạo điều kiện để quốc gia bị đơn có thể dễ dàng hơn khi đưa ra yêu cầu phản tố tại trọng tài đầu tư.

3.2. Vụ tranh chấp giữa Burlington và Chính phủ Ecuador

Tranh chấp này phát sinh giữa Burlington - một công ty của Hoa Kỳ và Nhà nước Ecuador phát sinh từ hoạt động điều hành khai thác dầu ở khu vực Amazon từ năm 2001-2009 theo các hợp đồng đầu tư đã ký kết với Chính phủ Ecuador. Việc khai thác này bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong luật pháp hiện hành của Ecuador và một số biện pháp của chính phủ nhằm vào các dự án khai thác dầu của nhà đầu tư. Dựa trên BIT giữa Hoa Kỳ và Ecuador, Burlington đã khởi kiện ra trọng tài đầu tư quốc tế, cáo buộc các biện pháp được thực hiện bởi Ecuador gồm tịch thu cổ phần, tiếp quản thực tế các cơ sở sản xuất và chấm dứt PSC được cấu thành một sự tước đoạt, những thay đổi này đã vi phạm nghĩa vụ theo BIT. Ngược lại, Ecuador đã đưa ra yêu cầu phản tố, cho rằng Burlington đã vi phạm luật môi trường của Ecuador và dẫn đến thiệt hại đáng kể về môi trường tại nước này.

Khác với vụ nhà đầu tư *Paushok kiện Mông Cổ* ở trên, quyền tài phán của hội đồng trọng tài đối với các phản tố của Ecuador trong vụ này không bị nhà đầu tư phản đối. Thực tế, trong quá trình tố tụng trọng tài, hai bên đã ký thỏa thuận, theo đó họ đồng ý rằng trọng tài là “*phương thức thích hợp để giải quyết các phản tố phát sinh từ các khoản đầu tư do Burlington và các công ty*

liên kết của công ty này thực hiện tại các Khối 7 và 21, nhằm đảm bảo tính kinh tế và tính nhất quán tối đa của pháp luật”. Do đó, dựa trên thẩm quyền đối với các phản tố theo Điều 46 của Công ước ICSID quy định, trọng tài chấp nhận thẩm quyền đối với yêu cầu phản tố vì các điều kiện đã được đáp ứng đầy đủ. Cụ thể là (i) các phản tố của Ecuador phát sinh trực tiếp từ nội dung của tranh chấp, ở đây là khoản đầu tư của Burlington tại Ecuador; (ii) các phản tố nằm trong phạm vi thỏa thuận của các Bên; và (iii) các phản tố nằm trong phạm vi thẩm quyền của Trung tâm theo quy định tại Điều 25 của Công ước ICSID.

Tiếp theo, hội đồng trọng tài quyết định luật nội địa của Ecuador là luật áp dụng để giải quyết yêu cầu phản tố. Hội đồng trọng tài cho rằng họ có toàn quyền quyết định áp dụng luật trong nước hay luật quốc tế tùy thuộc vào từng vấn đề cần giải quyết. Việc áp dụng luật của Ecuador không phải dựa trên sự thỏa thuận của các bên mà là vì đây là luật của nước tiếp nhận đầu tư - nơi diễn ra các vi phạm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường. Cách lựa chọn pháp luật áp dụng của hội đồng trọng tài trong vụ này là phù hợp đối với các yêu cầu phản tố về môi trường.

Về luật Ecuador, liên quan tới trách nhiệm do gây ô nhiễm môi trường, Hiến pháp năm 2008 của Ecuador quy định “các nhà khai thác dầu mỏ phải chịu trách nhiệm nghiêm ngặt (strict liability) đối với tác hại môi trường và phải chịu trách nhiệm khi có bằng chứng về tác hại môi trường tại các khu vực mà họ thực hiện hoạt động khai thác dầu mỏ”. Theo đó, Hội đồng trọng tài cho rằng nhà nước không cần phải chứng minh rằng nhà khai thác dầu mỏ có lỗi, cũng không cần phải chứng minh rằng có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm nghĩa vụ thực hiện và thiệt hại về môi trường mà chỉ cần chứng minh Burlington đã thực hiện các hoạt động có nguy cơ gây thiệt hại cho môi trường tại khu vực đó. Khi đó, nghĩa vụ chứng minh được chuyển sang phía Burlington: Burlington phải chứng

⁹ Điều 21(3) Quy tắc UNCITRAL bản 2010 (quy định này cũng được giữ nguyên trong các bản sửa đổi sau này vào năm 2013 và 2021).

minh các thiệt hại môi trường xảy ra tại địa điểm đầu tư không phải do lỗi của nhà đầu tư (có thể do bất khả kháng, hoặc do hành động hoặc thiếu sót của phía Chính phủ Ecuador hoặc một bên thứ ba nào khác). Hội đồng trọng tài cũng chỉ ra rằng Burlington không thể loại trừ toàn bộ trách nhiệm dù họ chứng minh được rằng họ đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn ngừa thiệt hại trong quá trình khai thác dự án. Hơn nữa, trên thực tế, các bằng chứng cho thấy Burlington cũng chưa hoàn thành nghĩa vụ này. Do đó, hội đồng trọng tài đã chấp nhận yêu cầu phản tố của Chính phủ Ecuador và yêu cầu nhà đầu tư bồi thường khoản thiệt hại môi trường là 41.776.492,77 đô la Mỹ.

3.3. Vụ tranh chấp giữa Perenco và Chính phủ Ecuador

Tranh chấp này có khá nhiều điểm tương đồng với vụ Burlington kiện Ecuador vì cùng phát sinh từ một chuỗi các sự kiện giống nhau. Thực tế là hai nhà đầu tư, Burlington Resources Inc. và Perenco Ecuador Ltd., đã liên kết thành một liên doanh để đầu tư vào các cơ sở khai thác và chế biến dầu tại Ecuador. Các tranh chấp đều phát sinh sau khi Ecuador áp dụng biện pháp yêu cầu gia tăng phần lợi ích kinh tế mà Nhà nước được hưởng từ hoạt động khai thác dầu, đồng thời triển khai các biện pháp hành chính và cưỡng chế nhằm bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư. Trước các biện pháp này, hai nhà đầu tư đã khởi kiện Ecuador theo hai thủ tục riêng biệt. Perenco – nhà đầu tư của Pháp đã kiện chính phủ Ecuador ra trọng tài ICSID trên cơ sở BIT giữa Pháp và Ecuador. Chính phủ Ecuador cũng đưa ra yêu cầu phản tố, cho rằng nhà đầu tư đã vi phạm pháp luật về môi trường của Ecuador trong quá trình quá trình khai thác các mỏ dầu và gây thiệt hại nghiêm trọng. Tương tự như vụ Burlington, hội đồng trọng tài khẳng định có thẩm quyền đối với yêu cầu phản tố vì thỏa mãn Điều 46 Công ước ICSID. Tuy nhiên, khi xem xét nội dung yêu cầu phản tố, mặc dù hai vụ tranh chấp này phát sinh từ chuỗi các sự kiện tương đồng và các khiếu kiện có nhiều điểm giống nhau, hai hội đồng

trọng tài có nhiều quan điểm khác nhau trong một số vấn đề quan trọng liên quan tới giải thích và áp dụng pháp luật Ecuador.

Thứ nhất, trong cả hai vụ tranh chấp, hội đồng trọng tài đều xác định luật áp dụng với yêu cầu phản tố là luật nội địa Ecuador. Tuy nhiên, cách diễn giải luật nội địa của hai hội đồng trọng tài lại khác nhau. Nếu trọng tài trong vụ Burlington kiện Ecuador xác định luật Ecuador quy định trách nhiệm môi trường theo chế độ trách nhiệm nghiêm ngặt (strict liability regime) thì hội đồng trọng tài trong vụ này cho rằng phải áp dụng chế độ trách nhiệm dựa trên lỗi (fault-based). Hai cách tiếp cận này có sự khác nhau cơ bản vì nếu xác định trách nhiệm dựa trên lỗi thì các nhà đầu tư tham gia vào hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như khai thác dầu có thể bác bỏ trách nhiệm nếu chứng minh được mình đã thực hiện các biện pháp cần trọng cần thiết trong quá trình khai thác. Tuy nhiên, theo chế độ trách nhiệm nghiêm ngặt thì nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm dù có lỗi hay không (trừ trường hợp chứng minh được thiệt hại do bất khả kháng hoặc lỗi của chính phủ Ecuador) [16]. Mặc dù có cách diễn giải pháp luật khác nhau, nhưng các hội đồng trọng tài đi tới cùng một kết luận là nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại môi trường xảy ra tại địa điểm đầu tư vì trong trường hợp của Perenco, các bằng chứng cũng cho thấy Perenco đã không vận hành cơ sở khai thác theo mức độ cần trọng cần thiết. Perenco biết rằng hoạt động đầu tư có khả năng tác động đáng kể tới môi trường nhưng vì tiết kiệm chi phí hoạt động nên đã không có biện pháp thích đáng để ngăn ngừa và khắc phục thiệt hại.

Thứ hai, về tính toán thiệt hại, Ecuador sử dụng phương pháp mô hình hóa bằng phần mềm, cho rằng việc lấy mẫu trên toàn bộ khu vực là không khả thi, trong khi Burlington đề xuất phương pháp khoan vùng thủ công dựa trên mẫu vật lý và địa hình. Hội đồng trọng tài ủng hộ phương pháp của Burlington, cho rằng đây là phương pháp đáng tin cậy hơn để ước tính mức độ ô nhiễm. Tuy nhiên, hội đồng trọng tài cũng chỉ ra các hạn chế trong dữ liệu của Burlington, dẫn tới kết quả trong báo cáo chuyên gia có thể không chính xác. Vì vậy, hội đồng

trọng tài đã chỉ định một chuyên gia môi trường độc lập để hỗ trợ hội đồng trọng tài xác định tình trạng môi trường. Hội đồng trọng tài đã tham vấn với các bên liên quan đến việc chỉ định chuyên gia và sẽ xem xét quan điểm của họ - mang tính chất tham khảo nhưng quyết định cuối cùng về danh tính và phạm vi công việc của chuyên gia sẽ là quyết định của riêng Hội đồng trọng tài.

Cách tiếp cận này của hội đồng trọng tài cho thấy vai trò quan trọng của các chuyên gia môi trường đóng vai trò trong các yêu cầu phân tố môi trường. Hội đồng trọng tài có thể giải quyết các phức tạp về mặt kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường bằng cách chủ động mời các nhân chứng chuyên gia tham gia hoặc chỉ định một chuyên gia thứ ba độc lập [16]. Việc chỉ định chuyên gia độc lập như trong vụ này cũng nằm trong phạm vi quyền hạn của hội đồng trọng tài và cần thiết đối với những vấn đề phức tạp như xác định thiệt hại môi trường. Cuối cùng, căn cứ trên báo cáo của chuyên gia và các chứng cứ được đưa ra, hội đồng trọng tài đã chấp nhận yêu cầu phân tố của Ecuador với mức bồi thường thiệt hại là 60.715.670 đô la Mỹ.

Các tranh chấp đã phân tích cho thấy sự đa dạng trong cách tiếp cận của các hội đồng trọng tài đầu tư cũng như sự thay đổi của các hội đồng trọng tài theo hướng “chấp nhận hơn” đối với các yêu cầu phân tố về môi trường [17]. Trong vụ Paushok kiện Mông Cổ, hội đồng trọng tài diễn giải khá cứng nhắc Quy tắc UNCITRAL 1976 và từ chối xem xét phân tố môi trường ngay ở giai đoạn thẩm quyền vì phân tố dựa trên luật quốc gia, không cùng cơ sở pháp lý với đơn kiện dựa trên BIT. Tuy nhiên, trong các vụ gần đây như *Burlington kiện Ecuador* và *Perenco kiện Ecuador*, hội đồng trọng tài thể hiện xu hướng “mở” hơn. Hội đồng trọng tài trong hai tranh chấp sau này đã sẵn sàng xem xét các phân tố môi trường dựa trên luật nội địa của quốc gia bị đơn. Ngoài ra, trong các phán quyết, trọng tài cũng dành sự quan tâm và công nhận ngày càng lớn đối với các giá trị môi trường. Ví dụ, trong

vụ *Perenco kiện Ecuador*, hội đồng trọng tài khẳng định: “Việc quản lý môi trường đúng đắn đã trở thành một vấn đề có ý nghĩa rất lớn trong thế giới ngày nay. Nếu một mối quan hệ pháp lý giữa nhà đầu tư và Nhà nước cho phép Nhà nước nộp đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường do các hoạt động của nhà đầu tư, và yêu cầu đó được chứng minh, thì Nhà nước có quyền được bồi thường đầy đủ theo các yêu cầu của pháp luật áp dụng”.¹⁰

4. Thách thức đối với Việt Nam trong việc sử dụng quyền phân tố môi trường trong tranh chấp đầu tư quốc tế

Như đã phân tích, quyền phân tố trong các tranh chấp đầu tư quốc tế là một công cụ tiềm năng để các quốc gia bị đơn có thể ‘khởi kiện lại’ yêu cầu nhà đầu tư bồi thường thiệt hại về môi trường đã gây ra trong quá trình đầu tư tại nước sở tại. Thực tiễn xét xử cũng cho thấy tiềm năng của công cụ này để bảo vệ lợi ích của quốc gia bị đơn trước các hành vi gây ô nhiễm môi trường, hoạt động đầu tư thiếu trách nhiệm của nguyên đơn. Tuy nhiên, để công cụ này phát huy hiệu quả, quốc gia bị đơn cũng gặp phải khá nhiều thách thức. Từ thực tiễn xét xử, có thể thấy một số vấn đề pháp lý quan trọng và các rào cản lớn đối với một yêu cầu phân tố như dưới đây.

Thứ nhất, một trong những thách thức đầu tiên là chứng minh thẩm quyền của trọng tài đối với yêu cầu phân tố [15]. Theo Điều 46 của Công ước ICSID, quốc gia có thể đưa ra phân tố, nhưng phạm vi đồng ý của các bên trong nhiều IIA lại không đủ rộng để trọng tài có thẩm quyền đối với các phân tố về môi trường. Nếu điều khoản trọng tài trong IIA hạn chế, các yêu cầu phân tố có thể bị từ chối xem xét ngay từ đầu vì không thuộc thẩm quyền trọng tài.

Thứ hai, hầu hết các IIA không áp đặt nghĩa vụ trực tiếp về bảo vệ môi trường đối với nhà đầu tư [17]. Trong các BIT, nghĩa vụ của các bên chủ

¹⁰ *Perenco Ecuador Limited v Republic of Ecuador*, ICSID Case No. ARB/08/6, Interim Decision on the Environmental Counterclaim (11 August 2015), đoạn 35.

yếu áp dụng cho quốc gia, còn nhà đầu tư ít khi chịu ràng buộc nghĩa vụ pháp lý rõ ràng. Mặc dù trong một số tranh chấp, quốc gia có thể căn cứ vào luật pháp nội địa để đòi hỏi trách nhiệm môi trường từ nhà đầu tư, quan điểm của trọng tài về vấn đề này còn chưa thống nhất. Do đó, việc thiếu các điều khoản cụ thể trong BIT về nghĩa vụ của nhà đầu tư gây khó khăn cho việc áp dụng quyền phản tố về môi trường [18].

Thứ ba, việc áp dụng và diễn giải luật nội địa bởi các hội đồng trọng tài quốc tế cũng gây nhiều quan ngại [3]. Trong các tranh chấp đầu tư, phần lớn hội đồng trọng tài đều công nhận vai trò quan trọng của luật nội địa trong việc xác định trách nhiệm môi trường của nhà đầu tư. Tuy nhiên, thực tế cho thấy cách diễn giải luật nội địa của hội đồng trọng tài lại có nhiều khác biệt và đôi khi gây mâu thuẫn. Ví dụ, cùng áp dụng pháp luật môi trường của Ecuador, trong vụ *Burlington kiện Ecuador*, luật Ecuador được áp dụng với cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt (strict liability), trong khi vụ *Perenco kiện Ecuador* thì hội đồng trọng tài lại áp dụng chế độ trách nhiệm dựa trên lỗi (fault-based). Sự khác biệt này cho thấy trọng tài quốc tế - vốn là các chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật đầu tư quốc tế - có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận với hệ thống luật pháp môi trường phức tạp của nước tiếp nhận đầu tư.

Thứ tư, chuyên môn về môi trường cũng là một yếu tố cần được xem xét. Xử lý các tranh chấp liên quan đến môi trường đòi hỏi không chỉ hiểu biết pháp lý mà còn kiến thức kỹ thuật sâu rộng về các khía cạnh môi trường. Điều này đặt ra yêu cầu cao đối với các bên tham gia vào trọng tài, đặc biệt là tòa trọng tài, trong việc đánh giá các bằng chứng kỹ thuật mâu thuẫn về tác động môi trường và xác định mức độ thiệt hại. Hiện tại, chỉ có một số ít trọng tài viên có chuyên môn trong lĩnh vực luật môi trường, và điều này gây hạn chế trong việc giải quyết các tranh chấp môi trường phức tạp. Những trường hợp này nhấn mạnh rằng các tranh chấp môi trường cần sự hỗ trợ lớn từ các chuyên gia khoa học để hỗ trợ hội đồng trọng tài đưa ra phán quyết đảm bảo tính chính xác và khách quan [19].

Như vậy, mặc dù quyền phản tố về môi

trường có ý nghĩa nhất định trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, việc thực hiện quyền này trong thực tiễn vẫn đối mặt với nhiều khó khăn về pháp lý và kỹ thuật. Những khó khăn này phản ánh tính chất phức tạp và nhạy cảm của cơ chế phản tố trong lĩnh vực đầu tư quốc tế.

5. Một số đề xuất cho Việt Nam

Đối với Việt Nam, vấn đề ô nhiễm môi trường trong các dự án đầu tư nước ngoài ngày càng được quan tâm [20]. Đặc biệt, các “thảm họa” môi trường xảy ra liên quan tới các dự án đầu tư nước ngoài như Formosa hay Vedan đã đặt ra yêu cầu cấp thiết cần quản lý chặt chẽ hơn việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với các nhà đầu tư nước ngoài [21, 22]. Bên cạnh đó, khi Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ bị nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện ra trọng tài quốc tế nhiều hơn, việc nghiên cứu các công cụ bảo vệ quyền của quốc gia bị đơn, như quyền phản tố, là vô cùng cần thiết. Hiểu và nắm được tiềm năng của công cụ này có thể giúp Chính phủ chủ động trong việc sử dụng quyền phản tố một cách hiệu quả trong các tranh chấp có thể phát sinh trong tương lai, đặc biệt là các tranh chấp đầu tư liên quan tới môi trường [23].

Để tạo điều kiện cho việc sử dụng quyền phản tố, Việt Nam có thể cân nhắc một số điểm sau đây.

Thứ nhất, khi khảo sát hơn các hiệp định đầu tư mà Việt Nam đã ký kết thì hầu hết các hiệp định này không có quy định rõ ràng về quyền phản tố của bị đơn. Điều này có thể gây khó khăn khi Việt Nam muốn sử dụng quyền này để khởi kiện lại nhà đầu tư trong các tranh chấp phát sinh tại trọng tài quốc tế. Do đó, Việt Nam nên cân nhắc sửa đổi các điều khoản giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước theo hướng mở rộng thẩm quyền của trọng tài, đặc biệt là cân nhắc bổ sung quyền phản tố của bị đơn vào điều khoản giải quyết tranh chấp trong các hiệp định đầu tư tương lai. Việc này có thể tạo ra cơ chế để Việt Nam có thể bảo vệ lợi ích trước các khiếu kiện của nhà đầu tư, đồng thời yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải chịu trách nhiệm về các hành vi vi phạm trong quá trình

đầu tư, đặc biệt là các hành vi gây thiệt hại về môi trường.

Thứ hai, khi các hiệp định đầu tư chưa quy định rõ ràng về nghĩa vụ bảo vệ môi trường của nhà đầu tư, có thể dẫn tới sự thiếu trách nhiệm hoặc coi nhẹ các giá trị môi trường từ phía nhà đầu tư [17]. Vì vậy, Việt Nam có thể chủ động đàm phán để bổ sung các điều khoản cụ thể trong BIT nhằm ràng buộc nghĩa vụ môi trường đối với các nhà đầu tư. Các điều khoản này có thể yêu cầu nhà đầu tư tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế và nội địa, đồng thời đảm bảo rằng bất cứ vi phạm nào cũng có thể là cơ sở cho các yêu cầu phản tố của quốc gia. Hiện nay, một số quốc gia đưa ra các điều khoản về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), yêu cầu nhà đầu tư cam kết trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường trong các hiệp định đầu tư [24]. Đây cũng là điểm cần nhắc, không chỉ giúp đảm bảo lợi ích công cộng mà còn tạo cơ sở để áp dụng các chế tài khi nhà đầu tư không tuân thủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

Thứ ba, cần xây dựng đội ngũ chuyên gia pháp lý không chỉ trong lĩnh vực pháp luật đầu tư quốc tế mà còn am hiểu về pháp luật môi trường quốc tế. Trên cơ sở đó, với các tranh chấp về môi trường, Việt Nam không chỉ sử dụng lập luận về môi trường để tự bảo vệ trước khiếu kiện của nhà đầu tư và còn có thể phản tố, buộc nhà đầu tư phải bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm trong quá trình đầu tư. Bên cạnh đó, trong những tranh chấp đầu tư liên quan tới môi trường, Việt Nam cũng nên cân nhắc lựa chọn trọng tài viên có chuyên môn phù hợp để các lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia được xem xét thích đáng.

6. Kết luận

Việc sử dụng quyền phản tố trong trọng tài đầu tư quốc tế là một công cụ pháp lý tiềm năng giúp các quốc gia không chỉ phản bác các yêu cầu khởi kiện từ nhà đầu tư mà còn bảo vệ lợi ích quốc gia và thúc đẩy trách nhiệm môi trường của nhà đầu tư nước ngoài. Các phân tích trong bài viết đã chỉ ra rằng, mặc dù quyền phản tố về môi

trường đang ngày càng được chấp nhận, quốc gia bị đơn vẫn phải đối mặt với những thách thức pháp lý và kỹ thuật đáng kể trong việc chứng minh thẩm quyền của hội đồng trọng tài, áp dụng luật nội địa, và xác định thiệt hại môi trường.

Tuy nhiên, các trường hợp điển hình như tranh chấp giữa Burlington và Ecuador hay vụ tranh chấp giữa Perenco và Ecuador cho thấy xu hướng “mở” hơn của các hội đồng trọng tài quốc tế trong việc thừa nhận quyền phản tố về môi trường. Điều này mở ra triển vọng sử dụng quyền phản tố như một cơ chế hiệu quả để bảo vệ quyền lợi quốc gia và giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh từ hoạt động đầu tư nước ngoài.

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự gia tăng các tranh chấp đầu tư quốc tế, việc hiểu và sử dụng quyền phản tố là một nhiệm vụ cấp thiết. Việt Nam cần chủ động điều chỉnh các hiệp định đầu tư để đưa vào các điều khoản khẳng định quyền phản tố của quốc gia bị đơn, đàm phán bổ sung các nghĩa vụ môi trường đối với nhà đầu tư, đồng thời tăng cường năng lực pháp lý và kỹ thuật để xử lý hiệu quả các tranh chấp liên quan đến môi trường. Nếu có thể thực hiện hiệu quả các giải pháp này, Việt Nam không chỉ có thể bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội trong đầu tư quốc tế.

Tóm lại, quyền phản tố về môi trường, nếu được khai thác đúng cách, không chỉ là một công cụ bảo vệ mà còn là một yếu tố quan trọng giúp cân bằng mối quan hệ giữa nhà đầu tư và quốc gia, đảm bảo rằng các lợi ích kinh tế không làm tổn hại đến các giá trị môi trường và cộng đồng.

Lời cảm ơn

Bài viết này là sản phẩm của đề tài/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Ngoại thương, mã số đề tài NTCS2025-12.

Tài liệu tham khảo

- [1] T. Ishikawa, Counterclaims and the Rule of Law in Investment Arbitration, *American Journal of*

- International Law 113 (2019) pp. 33-37. doi:10.1017/aju.2018.96
- [2] International Institute of Sustainable Development, Nathalie Bernasconi, Investment Treaties & Why They Matter to Sustainable Development. https://www.iisd.org/system/files/publications/investment_treaties_why_they_matter_sd.pdf, 2012 (accessed on: November 20th, 2024).
- [3] X. Shao, Environmental and Human Rights Counterclaims in International Investment Arbitration: at the Crossroads of Domestic and International Law, *Journal of International Economic Law* 24 (2021) pp. 157-179. <https://doi.org/10.1093/jiel/jgab001>
- [4] H. Bubrowski, Balancing IIA Arbitration through the Use of Counterclaims, in: Armand De Mestral CL (Eds), *Improving International Investment Agreement*, Taylor&Francis Group, London, pp. 440-458.
- [5] C. Martini, Balancing Investors' Rights with Environmental Protection in International Investment Arbitration: An Assessment of Recent Trends in Investment Treaty Drafting, *The International Lawyer*, 50 (2017) pp. 529-584.
- [6] A. E. Alvarado-Garzón, *Environmental Counterclaims in Investment Arbitration: Deconstructing the Requirements of Jurisdiction, Connection and Cause of Action*, Springer Nature, 2023.
- [7] T. Ishikawa, Counterclaims and the Rule of Law in Investment Arbitration, *AJIL Unbound* 113 (2019) 33-37. doi:10.1017/aju.2018.96.
- [8] G. Tan, A. Chong, The future of environmental counterclaims in ICSID arbitration: challenges, treaties and interpretations, *Cambridge International Law Journal* 9 (2020) pp. 176-200.
- [9] UN News, There is an exit off the highway to climate hell' Guterres insists, <https://news.un.org/en/story/2024/06/1150661> (accessed on: November 20th, 2024).
- [10] A. D Nanteuil, Counterclaims in Investment Arbitration: Old Questions, New Answers?, *The Law & Practice of International Courts and Tribunals* 17 (2018) pp. 374-392. <https://doi.org/10.1163/15718034-12341385>.
- [11] V. G. Ana, State counterclaims in investor-state disputes: a history of 30 years of failure, *International Law* (2009) pp. 84-123.
- [12] A. K. Hoffmann, Counterclaims in Investment Arbitration, *ICSID Review* 28 (2013) 567-594. <https://doi.org/10.1093/icsidreview/siad014>
- [13] UNCITRAL Working Group III (Investor-State Dispute Settlement Reform) (2020), Possible reform in investor-State dispute settlement (ISDS): Multiple proceedings and counterclaims, Note by the Secretariat, <https://undocs.org/en/A/CN.9/WG.III/WP.193> (accessed on: November 20th, 2024).
- [14] M. Brenninkmeijer, F. Gélinas, Counterclaims in Investment Arbitration: Towards an Integrated Approach, *ICSID Review - Foreign Investment Law Journal* 38(3) (2023) pp. 567-594, <https://doi.org/10.1093/icsidreview/siad014>.
- [15] S. Maxi, B. Stuart, R. Juliane, Environmental Counterclaims in Investment Treaty Arbitration, *ICSID Review* (2021) pp. 1 - 28 doi:10.1093/icsidreview/siab006.
- [16] J. Harrison, Environmental Counterclaims in Investor-State Arbitration: *Perenco Ecuador Ltd v Republic of Ecuador*, ICSID Case No ARB/08/6, Interim Decision on the Environmental Counterclaim, 11 August 2015, *The Journal of World Investment & Trade* 17 (2016) 479-488. <https://doi.org/10.1163/22119000-01703006>.
J. Ho, The Creation of Elusive Investor Responsibility, *American Journal of International Law* 113 (2019) 113, pp. 10-15, doi:10.1017/aju.2018.91.
- [17] T. Gleason, Examining Host-State Counterclaims for Environmental Damage in Investor-State Dispute Settlement from Human Rights and Transnational Public Policy Perspectives, *International Environmental Agreements: Politics, Law and Economics* 21 (2021) pp. 427-444. <https://doi.org/10.1007/s10784-020-09519-y>.
- [18] B. Anna, Environmental Counterclaims in Investment Arbitration, *European Investment Law and Arbitration Review*, 5 (2020), pp. 400-411.
- [19] H. T. Hạnh, N.T. Dũng, Bàn về vấn đề bảo vệ môi trường ở khu vực FDI, <http://moitruong.net.vn/ban-ve-van-de-bao-ve-moi-truong-o-khu-vuc-fdi> (accessed on: November 20th, 2024).
- [20] Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Formosa cam kết bồi thường 500 triệu USD sau sự cố gây ô nhiễm môi trường, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/formosa-cam-ket-boi-thuong-500-trieu-usd-sau-su-co-gay-o-nhiem-moi-truong-396078.html> (accessed 22 November 2024).
- [21] Tạp chí Cộng sản, Từ câu chuyện Công ty Vedan Việt Nam vi phạm Luật bảo vệ môi trường suy nghĩ về an ninh phi truyền thống, <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem-10-06-/2018/2168/tu-cau-chuyen-cong-ty-vedan-viet-nam-vi-pham-luat-bao-ve-moi-truong-suy-nghi-ve-an-ninh-phi-truyen-thong.aspx> (accessed on: November 20th, 2024).

[22] Đ. K. Anh, Quyền phân tố của nhà nước trong giải quyết tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài tại trọng tài quốc tế, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* 8 (2018) 72-84.

[23] N. Bueno, V. A. Yilmaz, T. D. Ngueuleu, Investor Human Rights and Environmental Obligations: The Need to Redesign Corporate Social Responsibility Clauses, *The Journal of World Investment & Trade* 24 (2023) pp. 179-216. <https://doi.org/10.1163/22119000-12340278>.